

Bản án số: 05 /2023/DS-ST.

Ngày: 17/02/2023.

“V/v: Kiện tra

chấp hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DA
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, TỈNH GIA LAI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Lành;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Thi;

2. Bà Nguyễn Thị Thu Nhi;

-Thư ký phiên tòa: Ông Phan Đình Mão -Thư ký Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai.

Ngày 17/02/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 51/2022/TLST-DS ngày 13/10/2022, về việc *“Kiện đòi nợ tiền phát sinh từ hợp đồng vay tài sản”*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2023/QĐST-DS ngày 10/01/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2023/QĐST - DS ngày 31/01/2023, giữa:

- *Nguyên đơn:* Chị Đỗ Thị P, sinh năm 1991;

Địa chỉ: Tổ dân phố 2, thị trấn K, huyện K, tỉnh Gia Lai.

- *Bị đơn:* Chị Đào Thị Quỳnh A, sinh năm 1992;

Địa chỉ: Tổ dân phố 8, thị trấn K, huyện K, tỉnh Gia Lai.

Chị P có đơn xin vắng mặt, chị A vắng mặt tại phiên tòa;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nguyên đơn chị Đỗ Thị P trình bày:

Như chị đã trình bày trong đơn khởi kiện, vì là chỗ bạn bè thân thiết nên khi chị A gặp khó khăn cần tiền để đi xuất khẩu lao động và đã hỏi vay chị số tiền 45.000.000 đồng. Vào ngày 22/11/2019 chị đã đồng ý cho chị A vay số tiền 45.000.000 đồng với lãi suất hai bên tự nguyện thỏa thuận là 6,8%/ năm. Chị A đã tự nguyện viết giấy vay mượn tiền giao lại cho chị giữ. Sau đó thì vì thời gian lâu mà chị A không trả gốc và lãi như đã tự nguyện cam kết thỏa thuận thì chị đã nhiều lần gặp chị A yêu cầu chị A trả số nợ trên thì chị A có trả cho chị được 2.000.000 đồng nợ gốc, số còn lại là 43.000.000 đồng thì chị A cố tình lánh mặt, chị gọi điện trách không nghe điện thoại của chị cũng như không trả nợ cho chị.

Chị đã từng khởi kiện ra tòa án nhân dân huyện K yêu cầu chị A trả nợ nhưng sau đó chị A hứa sẽ thu xếp trả ngay cho chị, nên chị đã rút đơn khởi kiện. Tuy nhiên, sau đó thì chị A cố tình không trả nợ, nên chị đã tiếp tục khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện K giải quyết buộc chị A phải trả cho chị số tiền gốc và lãi

là 50.900.000 đồng (*năm mươi triệu, chín trăm nghìn đồng*), trong đó: Nợ gốc là: 43.000.000 đồng và nợ lãi từ ngày 22/11/2019 đến 12/11/2022 là 7.900.000 đồng);

Nay chị bổ sung thêm số tiền lãi ngày 13/11/2022 đến ngày xét xử vụ án chị làm tròn là 735.000 đồng nữa, nên tổng cộng số tiền chị yêu cầu chị A trả cho chị là 51.600.000 đồng.

Chị Đỗ Thị P xác định đây là quan hệ vay mượn tiền giữa chị và chị A chứ không liên quan đến ai, nên chị không yêu cầu Tòa án triệu tập thêm ai vào tham gia tố tụng trong vụ án này.

Nguyên đơn chị Đỗ Thị P yêu cầu kể từ ngày chị có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi người phải thi hành án (chị Đào Thị Quỳnh A) thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Đối với bị đơn chị A, quá trình Tòa án giải quyết vụ án đã nhiều lần triệu tập chị A làm việc cũng như tham gia các phiên công khai chứng cứ và hòa giải và tham gia phiên tòa, nhưng chị A cố tình không có mặt, mặt dù Tòa án đã tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng hợp lệ cho chị A, nhưng chị A cố tình vắng mặt nên không trình bày thêm được quan điểm của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Các tài liệu, chứng cứ được nguyên đơn giao nộp, gồm: 01 Giấy ôly viết tay có nội dung ngày 22/11/2019...bà Đào Thị Quỳnh A có vay của bà Đỗ Thị P số tiền 45.000.000 đồng (bốn mươi lăm triệu đồng chẵn) với lãi suất 6,8%/năm... kết thúc nội dung có chữ ký ghi rõ họ tên của bên vay Đào Thị Quỳnh A và bên cho vay Đỗ Thị P (bản chính); 01 Giấy Căn cước công dân mang tên Đỗ Thị P (bản sao); 01 sổ hộ khẩu gia đình đứng tên chủ hộ Trịnh Bá Kiên (bản sao);

Các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh: Chị Đỗ Thị P, sinh năm 1991- Địa chỉ: Tổ dân phố 2, thị trấn K, huyện K, tỉnh Gia Lai, chị Đào Thị Quỳnh A, sinh năm 1992 -Địa chỉ: Tổ dân phố 8, thị trấn K, huyện K, tỉnh Gia Lai, điều này được thể hiện qua các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng dân sự: TrA chấp phát sinh giữa nguyên đơn chị Đỗ Thị P và chị Đào Thị Quỳnh A là trA chấp phát sinh từ quan hệ pháp luật vay tài sản. Quan hệ này được hai bên xác nhận bằng văn bản có lãi, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên được pháp luật bảo vệ. Chị P là chủ thể có quyền lợi bị vi phạm nên được quyền khởi kiện. Điều kiện khởi kiện của nguyên đơn được đảm bảo nên được xem xét và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai. Tòa án nhân dân huyện K đã thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật là “*TrA chấp phát sinh từ hợp đồng vay tài sản*”, được quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung giải quyết vụ án:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị P, Hội đồng xét xử thấy rằng: Quan hệ pháp luật vay mượn giữa chị P và chị A được hai bên xác lập bằng văn bản là 01 Giấy ôly viết tay có nội dung ngày 22/11/2019...bà Đào Thị Quỳnh A có vay của bà Đỗ Thị P số tiền 45.000.000 đồng (bốn mươi lăm triệu đồng chẵn) với

lãi suất 6,8%/ năm... kết thúc nội dung có chữ ký ghi rõ họ tên của bên vay Đào Thị Quỳnh A và bên cho vay Đỗ Thị P.

Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, bị đơn đã biết việc chị A khởi yêu cầu bị đơn trả nợ, nhưng bị đơn chị A có tình trốn tránh trách nhiệm trả nợ cũng như không hợp tác làm việc với Tòa án. Mặc khác nguyên đơn cũng đã từng khởi kiện bị đơn khoản nợ này nhưng do bị đơn hứa sẽ trả ngay nên nguyên đơn đã rút yêu cầu khởi kiện tạo điều kiện cho bị đơn trả nợ. Tuy nhiên, chị A đã không thực hiện việc trả nợ như đã cam kết. Mặt khác bản thân chồng chị A là A Nguyễn Hải Ứng cũng có bản trình bày gửi Tòa án cho biết việc chị A có vay mượn số tiền trên của chị P và dấu A việc vay mượn tiền, nên là quan hệ vay mượn này là quan hệ dân sự giữa chị P và chị A.

Từ những chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và nội dung trình bày của đương sự, HĐXX xét thấy nội dung yêu cầu khởi kiện của chị Đỗ Thị P là có căn cứ và đúng pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận, buộc bị đơn chị Đào Thị Quỳnh A phải trả cho nguyên đơn chị Đỗ Thị P số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 17/2/2023 là 51.600.000 đồng.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị P được chấp nhận toàn bộ nên chị P không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho chị P toàn bộ số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

Bị đơn chị Đào Thị Quỳnh A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định là 51.600.000 đồng x 5% = 2.580.000 đồng.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 357, 463, 466, 468 và 470 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 26; 35; 39, 91; 93; 94; 95; 108, 144, 147 266 và 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí tòa án;

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Đỗ Thị P: Buộc bị đơn chị Đào Thị Quỳnh A phải trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 17/02/2023 là 51.600.000 đồng (năm mươi một triệu, sáu trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án (chị Đỗ Thị P) có đơn yêu cầu thi hành án, cho đến khi người phải thi hành án (chị Đào Thị Quỳnh A) thi hành án xong khoản tiền nợ nói trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí: Buộc bị đơn chị A phải chịu 2.580.000 đồng (*hai triệu, năm trăm tám mươi nghìn đồng*).

Hoàn trả cho nguyên đơn chị Đỗ Thị P số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 1.272.500 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số 0003643 ngày 13/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Gia Lai.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật, các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA,VPTA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Lành

